

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày 27-5-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Ông Lê Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 27/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

ĐKNKTT: Thôn 3 QC, xã TT, NC, Thanh Hóa.

- Bị đơn: chị Lê Thị T1, sinh năm 1990

ĐKNKTT: Thôn 3 QC, xã TT, NC, Thanh Hóa.

Hiện tạm trú tại: Số nhà 29/6, khu phố ĐT, phường DA, thị xã DA, tỉnh BD.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị T1(chị T1 có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2019 và bản tự khai ngày 25/12/2019, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2013 tại UBND xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến khoảng tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tháng 8/2019, chị T1 làm đơn ly hôn với anh nhưng không lên tòa án làm việc mà tự ý bế con bỏ đi, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Anh đã nhiều lần liên lạc khuyên chị T1 quay về đoàn tụ nhưng chị T1 không về. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị T1 không có thai nghén gì. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 02/9/2014.

Hiện nay cháu C đang ở với chị T1. Nguyên vọng của anh khi ly hôn là được nhường quyền nuôi cháu C còn chị T1 và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1 và nhường quyền nuôi cháu C cho chị T1, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản tự khai ngày 11/01/2020 bị đơn là chị Lê Thị T1 trình bày:* Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay. Anh T đề nghị ly hôn, chị cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 02/9/2014 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

*** Về tố tụng:**

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư

cách tổ tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Lê Thị T1 nhưng chị T1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy việc vắng mặt của chị T1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

*** Về nội dung:**

Anh T và chị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TX, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2017. Tại bản tự khai, cả hai bên đương sự đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị được ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn chị T1.

Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 02/9/2014 đang ở với chị T1. Hai bên đương sự đều có nguyện vọng giao cháu C cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy đề nghị giao cháu C cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét mà dành quyền cho các bên đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Lê Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn 3 QC, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên việc anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án

nhân dân huyện Nông Công giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T1 có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Lê Thị T1, tuy nhiên chị T1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T1 là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TX, Thanh Hóa ngày 19/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay cả hai vợ chồng đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 02/9/2014. Hiện nay cháu C đang sống cùng chị T1.

Nguyện vọng của anh T sau khi ly hôn là nhường quyền nuôi cháu C cho chị T1, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai, nguyện vọng của chị T1 là được nuôi dưỡng cháu C, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của anh T và chị T1 thấy rằng:

Anh T và chị T1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TX, Thanh Hóa ngày 19/7/2013, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau từ tháng 7 năm 2017. Đến nay cả hai đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án được ly hôn.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị T1. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị T1 đã sống ly thân với nhau từ lâu và không quan tâm gì đến nhau, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh T được ly

hôn chị T1 là phù hợp.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 02/9/2014, hiện nay cháu C đang sống cùng với chị T1.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đều có nguyện vọng nhường quyền nuôi cháu C cho chị T1, anh không cấp dưỡng nuôi con

Về phía chị T1, chị xin được nuôi cháu C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị T1 và anh T thấy rằng: Hiện nay cháu là Nguyễn Lê Quỳnh C đang ở với chị T1. Vì vậy, cần giao cháu C cho chị T1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu và đảm bảo nguyện vọng của cả hai vợ chồng.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản và công nợ chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị T1.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 02/9/2014 cho chị Lê Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002110 ngày 23/12/2019. Chấp nhận anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng mặt chị T1. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã TT, TX, TH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Kỳ Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Thuận

Lê Minh Trí

Võ Kỳ Anh